

dầu tư nước ngoài và các bên nước ngoài hợp doanh thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại Thông tư này.

Cục Thuế có trách nhiệm bố trí một lực lượng cán bộ chuyên trách để quản lý thu các loại thuế đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bên nước ngoài hợp doanh. Bộ phận quản lý chuyên trách này có trách nhiệm hàng tháng, quý và khi kết thúc năm phải báo cáo với Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) về tình hình thu thuế và các báo cáo khác phục vụ yêu cầu quản lý chung đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bên nước ngoài hợp doanh hoạt động tại địa bàn.

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế cho Thông tư số 63/1998/TT-BTC ngày 13/5/1998, Thông tư số 89/1999/TT-BTC ngày 16/7/1999 của Bộ Tài chính./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

VŨ VĂN NINH

QUYẾT ĐỊNH số 10/2001/QĐ-BTC ngày 13/3/2001 về việc ban hành Quy chế Chuyển vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 20 tháng 3 năm 1996 và Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ về phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước số 06/1998/QH10 ngày

20/5/1998 và Nghị định số 51/1998/NĐ-CP ngày 18/7/1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Chuyển vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2001. Những quy định trước đây trái với Quy chế này để bãi bỏ.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ ngân sách nhà nước, Vụ trưởng Vụ Đầu tư, Tổng giám đốc Kho bạc nhà nước, Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

VŨ VĂN NINH

QUY CHẾ Chuyển vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước

(ban hành kèm theo Quyết định số 10/2001/QĐ-BTC ngày 13/3/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Điều 1. Cơ quan tài chính chuyển vốn sang Kho bạc nhà nước để thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng (gọi tắt là vốn đầu tư) căn cứ vào:

- Dự toán ngân sách năm (phần chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản) được Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân giao.
- Kế hoạch điều hành ngân sách hàng quý.
- Nhu cầu thanh toán vốn đầu tư hàng quý.

Điều 2. Hàng quý, trước ngày 25 tháng cuối quý trước, căn cứ vào dự toán được giao và kế hoạch khối lượng do các chủ dự án lập, Kho bạc nhà nước lập kế hoạch thanh toán vốn đầu tư quý theo từng cấp ngân sách gửi cơ quan tài chính. Cụ thể:

- Kho bạc Nhà nước Trung ương tổng hợp nhu cầu thanh toán vốn đầu tư hàng quý của các dự án thuộc ngân sách Trung ương gửi Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư).
- Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp nhu cầu thanh toán vốn đầu tư hàng quý của ngân sách địa phương gửi Sở Tài chính - Vật giá (Phòng Đầu tư).

Riêng đối với các dự án do cấp huyện quản lý, chủ sự án lập kế hoạch vốn đầu tư gửi trực tiếp tới Phòng Tài chính cấp huyện.

Điều 3. Hàng quý, cơ quan tài chính lập thông báo hạn mức vốn đầu tư (chi tiết theo từng nguồn vốn) gửi Kho bạc nhà nước, cụ thể:

- Đối với các dự án thuộc ngân sách Trung ương, Vụ Đầu tư lập thông báo hạn mức vốn đầu

tư xây dựng cơ bản gửi Vụ Ngân sách nhà nước. Sau khi xem xét, Vụ Ngân sách nhà nước ký thông báo hạn mức, gửi Kho bạc Nhà nước Trung ương 1 liên, gửi Vụ Đầu tư 1 liên và lưu tại Vụ Ngân sách nhà nước 1 liên.

- Đối với các dự án thuộc ngân sách cấp tỉnh, Phòng Đầu tư lập thông báo hạn mức vốn đầu tư xây dựng cơ bản gửi Phòng Ngân sách. Phòng Ngân sách xem xét, trình lãnh đạo Sở Tài chính - Vật giá ký thông báo hạn mức và gửi Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 1 liên, Sở Tài chính - Vật giá lưu 1 liên.

- Đối với các dự án thuộc ngân sách cấp huyện, Phòng Tài chính huyện lập và ký thông báo hạn mức vốn đầu tư xây dựng cơ bản, gửi Kho bạc nhà nước huyện 1 liên và lưu Phòng Tài chính huyện 1 liên.

Điều 4. Hạn mức vốn đầu tư quý là mức cao nhất mà Kho bạc nhà nước được chi trong quý đó. Hạn mức vốn đầu tư quý nếu chi không hết được chuyển sang quý sau. Riêng hạn mức quý IV (kể cả phần các quý trước chuyển sang), được phép kéo dài thời gian sử dụng đến hết tháng 1 năm sau và để thanh toán cho khối lượng trong kế hoạch đã thực hiện đến ngày 31 tháng 12 năm trước, trừ trường hợp đặc biệt theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 5. Hạn mức vốn đầu tư không phân bổ chi tiết theo mục chi của Mục lục Ngân sách nhà nước, khi rút hạn mức phải hạch toán đúng chương, loại, khoản, mục theo Mục lục ngân sách hiện hành.

Điều 6. Khi thông báo hạn mức vốn đầu tư, cơ quan tài chính thông báo tổng mức vốn. Trường hợp cần thiết phải tập trung vốn theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, cơ quan tài chính (Vụ Đầu tư đối với vốn đầu tư thuộc ngân sách Trung ương; Sở Tài chính - Vật giá, Phòng Tài chính đối với vốn đầu tư thuộc ngân sách địa phương) lập bảng kê danh mục một số dự án quan trọng (không chi tiết mức vốn theo dự án) gửi kèm theo hạn mức.

Điều 7. Định kỳ, Kho bạc nhà nước các cấp báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư gửi cơ quan tài chính đồng cấp theo quy chế cung cấp thông tin về công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Bộ Tài chính.

Điều 8. Việc quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư thực hiện theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng; Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ và Thông tư số 96/2000/TT-BTC ngày 28/9/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 9. Phương thức chuyển vốn này không áp dụng đối với các dự án có độ mật cao do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp phát trực tiếp; các dự án cấp phát theo hình thức ghi thu, ghi chi và các trường hợp đặc biệt khác được cấp có thẩm quyền quyết định./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

VŨ VĂN NINH

QUYẾT ĐỊNH số 11/2001/QĐ-BTC ngày 13/3/2001 về việc sửa đổi thuế suất của mặt hàng phân bón trong Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách

nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Căn cứ khung thuế suất quy định tại Biểu thuế nhập khẩu theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-UBTVQH10 ngày 10/10/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa X;

Căn cứ Điều 1 Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Điều 4 Quyết định số 223/QĐ-TTg ngày 06/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiêu thụ lúa, gạo ở đồng bằng sông Cửu Long và cà phê ở Tây Nguyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của một số chủng loại phân bón thuộc các nhóm 3103, 3105 quy định tại Quyết định số 41/2000/QĐ-BTC ngày 17/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới quy định tại Danh mục sửa đổi thuế suất mặt hàng phân bón trong Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành và áp dụng cho các Tờ khai hàng nhập khẩu đã nộp cho cơ quan hải quan bắt đầu từ ngày 15 tháng 3 năm 2001. Những quy định trước đây trái với quy định tại Quyết định này đều bãi bỏ./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

VŨ VĂN NINH

09660139

Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com